

Bản án số: 263/2020/HC-PT

Ngày: 19/8/2020.

V/v “Khởi kiện Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Lê Thị Thúy Bình .

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Mai - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 90/2020/TLPT-HC ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “Khởi kiện Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 33/2019/HC-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Z bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5784/2020/QĐPT-HC ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Anh Đặng Trần H, sinh năm 1984; trú tại: Khu phố Đ, phường X, thị xã Y, tỉnh Z. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1957; địa chỉ: Khu phố Đ, phường X, thị xã Y, tỉnh Z. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Vũ Quang Dg— Văn phòng luật sư Quang Dg và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Z; Địa chỉ: Số xCT, phường ĐN, thị xã Y, tỉnh Z. Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Z. Địa chỉ: t, Đường M, Z. Vắng mặt – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Z: Ông Đàm Đình Đ – Phó GD Sở TN&MT tỉnh Z. Vắng mặt – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân thị xã Y, tỉnh Z. Địa chỉ: Phường ĐN, thị xã Y, tỉnh Z.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế Tn – Phó chủ tịch UBND thị xã Y, tỉnh Z - Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Y, tỉnh Z. Địa chỉ: Phường ĐN, thị xã Y, tỉnh Z.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế Tn – Phó chủ tịch UBND thị xã Y, tỉnh Z - Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường X, thị xã Y, tỉnh Z.

Người đại diện hợp pháp: Bà Cao Thị Hồng L – Chủ tịch UBND phường X - Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Công ty Cổ phần Y. Địa chỉ: Phường X, thị xã Y, tỉnh Z. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Xuân Hg - Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại các đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng phía người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Gia đình anh là chủ sử dụng hợp pháp hai thửa đất với tổng diện tích là 375,7 m² tại khu phố Đ, phường X, thị xã Y, tỉnh Z. Nguồn gốc thửa đất trên là do trước đây mẹ anh là bà Đỗ Thị D là cán bộ công nhân viên của xí nghiệp gạch ngói Y được công ty giao cho quản lý và sử dụng một thửa đất của công ty từ năm 1977. Đến năm 1989, xí nghiệp gạch ngói Y tiến hành bán thanh lý cho gia đình anh nhà trên diện tích thửa đất sử dụng thực tế hiện nay.

Sau khi được công ty bán thanh lý nhà nằm trên thửa đất sử dụng hiện nay, gia đình anh đã tiến hành đổ đất, san lấp, tân tạo và lấn chiếm thêm trên diện tích đất này với tổng diện tích thực tế sử dụng từ năm 1989 đến nay. Gia đình anh đã xây nhà, trồng cây trên diện tích đất này và quản lý sử dụng ổn định từ đó cho đến nay mà không có tranh chấp gì với ai.

Trong quá trình sử dụng đất, gia đình anh cũng đã đóng thuế tiền đất hàng năm cho Công ty cổ phần Y với tổng diện tích đất sử dụng là 375,7m² từ năm 1989 đến năm 2012 và từ năm 2013 đến nay là đóng thuế cho UBND phường X. Năm 2013, UBND phường X yêu cầu các hộ dân kê khai và làm hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mà các hộ đang sử dụng. Anh và bố mẹ anh là Đỗ Thị D cũng đã kê khai và nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai thửa đất này tại UBND phường X. Cơ quan có thẩm quyền đã nhận hồ sơ và tiến hành đo vẽ, xác định hiện trạng cho hai thửa

đất kê khai là: thửa đất số 78, thuộc tờ bản đồ số 114 thuộc quyền sử dụng của anh và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 114, thuộc quyền sử dụng của mẹ anh bà Đỗ Thị D và đang trong quá trình đợi cấp GCNQSDĐ.

Ngày 23/01/2018 UBND thị xã Y ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND về việc thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220 Kv HĐ – Z 2:
“Thu hồi 14,6m² đất ở của hộ anh Đặng Trần H thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ đo trích số 1, tại khu phố Đ, phường X, thị xã Y, tỉnh Z. Nguồn gốc sử dụng đất: Đất sử dụng sau ngày 1/7/2004, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lý do thu hồi đất: Do nằm dưới hành lang đường dây 500/220 Kv HĐ- Z 2.”

Cùng ngày UBND thị xã Y Ban ban hành Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220KV HĐ-Z 2 (đợt 2). Tại Bảng chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ có đất thu hồi kèm theo quyết định này xác định, diện tích 14,6m² đất bị thu hồi của anh là diện tích đất tằn lẩn đất tập thể, không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ do cả thửa đất nằm ngoài ranh giới đất của công ty nên không được hưởng tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.

Anh đã ủy quyền cho mẹ là Đỗ Thị D làm đơn kiến nghị và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xem xét lại việc thu hồi đất này. Ngày 09/2/2018, Phòng TN&MT thị xã Y có Công văn số 16/CV-TNMT trả lời đơn kiến nghị và xác định: *“Diện tích đất 14,6m² bị thu hồi của ông là Đặng Trần H là diện tích nằm ngoài quy hoạch và cũng nằm ngoài trong diện tích đất bán nhà thanh lý của xí nghiệp gạch Y...”*

Ngày 19/03/2018 người được ủy quyền của anh, bà D đã làm đơn khiếu nại Công văn số 16/CV-TNMT để yêu cầu phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho 14,6m² đất của anh theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 24/4/2018, anh nhận được Văn bản số 130/UBND-NC của UBND thị xã Y về việc trả lời đơn của các hộ dân nhưng vẫn xác định toàn bộ diện tích bị thu hồi là 14,6m² của anh là diện tích nằm ngoài quy hoạch theo Văn bản thỏa thuận số 260/SXD-QLN ngày 14/11/2008 của Sở Xây dựng và đồng thời cũng nằm ngoài diện tích đất bán thanh lý của xí nghiệp gạch Y nên không được UBND phường X xét đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ và không được bồi thường.

Ngày 4/5/2018, gia đình anh đã làm đơn khiếu nại Văn bản số 130/UBND-NC gửi đến Chủ tịch UBND thị xã Y. Ngày 26/11/2018 Chủ tịch UBND thị xã Y ra Quyết định số 1053/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của anh với nội dung không đồng ý với đề nghị của anh, giữ nguyên nội dung trả lời tại Văn bản số 130/UBND-NC và yêu cầu gia đình anh bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư để thực hiện đảm bảo dự án theo đúng quy định.

Ngày 16/12/2018, mẹ anh đã làm đơn kêu cứu gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh Z để yêu cầu hủy bỏ Văn bản số 130/UBND-NC của UBND thị xã Y về việc trả lời đơn thư của công dân và Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày

26/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Y về việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân.

Ngày 28/2/2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Văn bản số 631/UBND–TNMT về việc trả lời đơn khiếu nại của gia đình anh. Tại Văn bản này, Chủ tịch UBND tỉnh Z xác định mẹ anh là Đỗ Thị D thực hiện việc khiếu nại liên quan đến thửa đất của anh đang sử dụng không tuân theo thủ tục quy định của pháp luật nên Chủ tịch UBND thị xã Y giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị D tại Quyết định số 1053/QĐ-UBND là không đúng đối tượng khiếu nại theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Luật khiếu nại năm 2011. Nay anh cho rằng:

- Trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 1053/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thị xã Y là vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại, vi phạm quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại tại Luật khiếu nại năm 2011.

- Văn bản số 631/UBND-TNMT Chủ tịch UBND tỉnh Z xác định bà Đỗ Thị D đã làm đơn khiếu nại liên quan đến thửa đất của anh đang sử dụng không tuân theo thủ tục quy định của pháp luật và không đúng đối tượng là không đúng vì anh đã làm văn bản ủy quyền cho mẹ anh là bà Đỗ Thị D thay anh thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ việc trên với cơ quan có thẩm quyền.

- Cơ quan có thẩm quyền tại các văn bản giải quyết, trả lời đơn thư trên cho rằng phần diện tích bị thu hồi và không được bồi thường của anh là phần diện tích nằm ngoài ranh giới, mốc giới quy hoạch (tức nằm ngoài ranh giới của công ty - đất tập thể) và là đất lấn chiếm không phù hợp với quy hoạch nên không đủ điều kiện cấp GCN và không được bồi thường là trái với quy định của pháp luật và không đúng hiện trạng sử dụng đất. Vì diện tích này gia đình anh sử dụng, tân tạo là từ năm 1989, đã xây dựng nhà, đã kê khai nộp thuế đầy đủ và sử dụng ổn định từ đó đến nay mà không có tranh chấp với ai. Tại thời điểm tân lấn phần diện tích đất này của gia đình anh chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn được xét duyệt, không thuộc quy hoạch cho các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai và thời điểm này cũng chưa có Văn bản số 260/SXD-QLN về việc thỏa thuận phương án quy hoạch chia lô Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Y. Do vậy, diện tích đất bị thu hồi của gia đình anh đã đáp ứng đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ và được bồi thường khi thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật.

Ngay cả khi UBND thị xã Y xác định diện tích đất này không nằm trong quy hoạch theo văn bản trên và là diện tích đất ao theo bản đồ địa chính năm 1994 và bản đồ địa chính năm 2005, không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thì anh cũng đã sử dụng diện tích đất trên trước thời điểm quy hoạch chia lô. Căn cứ theo quy định của pháp luật đất đã sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993, tại thời điểm sử dụng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn được xét duyệt và thửa đất trên đã có nhà ở thì diện tích đất ở được

công nhận bằng hạn mức công nhận đất ở tại địa phương. Vì vậy dù diện tích đã tân lần trên là đất ao theo bản đồ địa chính, không phù hợp với quy hoạch hiện nay thì diện tích đất trên vẫn đáp ứng đủ điều kiện được cấp GCN QSDĐ.

- Cơ quan có thẩm quyền xác định diện tích đất bị thu hồi không được bồi thường của anh là lần chiếm, sử dụng sau thời điểm 01/07/2004 nên không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ là không đúng và trái với quy định của pháp luật.

Anh khẳng định toàn bộ diện tích đất 14,6m² bị thu hồi của anh là hoàn toàn đáp ứng đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ và đủ điều kiện được bồi thường khi thu hồi theo quy định của pháp luật. Việc cơ quan có thẩm quyền không bồi thường diện tích thu hồi cho anh là không thỏa đáng, vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của anh.

Ngày 17/9/2019, bà Đỗ Thị D đại diện cho anh H rút một phần đơn khởi kiện không đề nghị Tòa án giải quyết đối với Văn bản số: 631/UBND-TNMT ngày 28/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Z “Về việc trả lời đơn của bà Đỗ Thị D khu phố Đ, phường X, thị xã Y” và lựa chọn Tòa án giải quyết đối với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã Y.

Anh H đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y “Về việc thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220kv HĐ - Z 2”.

- Hủy một phần Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y “Về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220KV HĐ - Z 2 (đợt 2)” đối với anh Đặng Trần H.

- Hủy một phần Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Y “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị D và ông Vũ Văn Dũng (lần đầu)” đối với phần liên quan đến anh Đặng Trần H (Đỗ Thị D).

- Buộc UBND thị xã Y phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 14,6 m² đất bị thu hồi của gia đình anh theo quy định của pháp luật.

** Ông Hoàng Bá Huy - Phó chủ tịch UBND thị xã Y trình bày:*

Thửa đất của hộ anh Đặng Trần H có nguồn gốc là đất của bà Đỗ Thị D (mẹ anh Đặng Trần H) được Xí nghiệp Gạch Y (nay là Công ty cổ phần Y) bán thanh lý nhà tập thể năm 1989 với diện tích 10,5 m² tại khu A. Trong quá trình sử dụng nhà, bà Đỗ Thị D được Xí nghiệp Gạch Y (Công ty cổ phần Y) cho mượn đất để sử dụng.

Theo bản đồ địa chính trích đo do Công ty cổ phần Y thuê đơn vị tư vấn lập, được Sở TN&MT tỉnh Z phê duyệt ngày 20/8/2007, thửa đất hộ bà Đỗ Thị D được Xí nghiệp gạch Y thanh lý nêu trên được thể hiện là thửa 116, diện tích 124,8 m² và thêm một thửa lần chiếm có số thửa 117, diện tích 102,6 m² nằm ngoài ranh giới của Công ty.

Theo bản đồ quy hoạch được Sở xây dựng tỉnh Z phê duyệt tại Văn bản số 260/SXD-QLN ngày 14/11/2008, thì hộ bà Đỗ Thị D chỉ có một thửa đất số 109, diện tích 124,2 m². (thể hiện trên bản đồ trích đo của Công ty là thửa 116, diện tích 124,8 m²).

Theo bản đồ địa chính UBND phường X đo đạc năm 2014 và hồ sơ kê khai đề nghị cấp GCNQSD đất được lưu trữ, thể hiện như sau:

+ Bà Đỗ Thị D quản lý, sử dụng thửa đất số 76, tờ bản đồ 114, diện tích 125,3m² và đã được Hội đồng xét duyệt đủ điều kiện cấp GCNQSD đất. (Thể hiện trên bản đồ trích đo của công ty là thửa đất số 116, diện tích 124,8m²);

+ Anh Đặng Trần H(con trai bà Đỗ Thị D) quản lý và sử dụng thửa đất số 78, tờ bản đồ 114, diện tích 244,8m² và đã được Hội đồng xét duyệt không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất do lấn chiếm, không phù hợp quy hoạch. (Thể hiện trên bản đồ trích đo của công ty là thửa đất số 117, diện tích 102,6m²).

Tại Hồ sơ thu hồi đất thực hiện Dự án đường điện 500/200KV HĐ-Z 2 thể hiện:

+ Bà Đỗ Thị D quản lý, sử dụng thửa đất số 7, diện tích 125,3m² (Thể hiện trên bản đồ trích đo của công ty là thửa số 116, diện tích 124,8m²).

+ Anh Đặng Trần H(con trai bà Đỗ Thị D) quản lý, sử dụng thửa đất số 8, diện tích 251,7m² (Thể hiện trên bản đồ trích đo của công ty là thửa số 117, diện tích 102,6m²).

Thửa đất thu hồi để thực hiện Dự án đường điện 500/200KV HĐ - Z 2 là thửa đất số 8, diện tích 251,7m² mang tên anh Đặng Trần H(con trai bà Đỗ Thị D).

Như vậy, theo bản đồ địa chính UBND phường X đo đạc năm 2014 và hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất mà hộ anh Đặng Trần H (con trai bà Đỗ Thị D) đang quản lý và sử dụng thể hiện là thửa đất số 78, tờ bản đồ 114, diện tích 244,8m² có nguồn gốc là đất lấn chiếm, không phù hợp quy hoạch, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Quá trình thực hiện Dự án đường dây 500KV HĐ - Z 2, thửa đất nêu trên có 14,6m² đất nằm dưới hành lang đường dây 500/200kv HĐ-Z 2 và đã được UBND thị xã Y thu hồi tại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 để thực hiện Dự án theo quy định. Theo quy định tại Điều 75, Điều 79 Luật Đất đai năm 2013, phần diện tích đất 14,6 m² thu hồi của anh Đặng Trần H (con trai bà Đỗ Thị D) nêu trên là đất lấn chiếm, không phù hợp quy hoạch, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định nên không được bồi thường, hỗ trợ về đất. Do vậy việc Hội đồng bồi thường GPMB thị xã không lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 14,6 m² đất thu hồi của hộ anh Đặng Trần H để thực hiện Dự án đường dây 500/200kv HĐ-Z 2 là đúng pháp luật quy định.

Việc anh Đặng Trần H đề nghị Hội đồng bồi thường GPMB của thị xã bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đỗ Thị D (con trai là anh Đặng Trần H) đối với phần diện tích 14,6 m² đất này là không có cơ sở. Việc UBND thị xã ban hành Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 không phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi 14,6 m² đất của hộ anh Đặng Trần H ở khu phố Đ, phường X để thực hiện Dự án đường dây 500/200kv HĐ-Z 2 là đúng pháp luật quy định. Việc Chủ tịch UBND thị xã ban hành Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 giải quyết: Không chấp nhận nội dung khiếu nại và đề nghị nêu trên của bà Đỗ Thị D (con trai là anh Đặng Trần H) ở khu phố Đ, phường X là có cơ sở pháp lý. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của anh Đặng Trần H.

** Chủ tịch UBND tỉnh Z trình bày:*

Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh được thực hiện đúng quy định. Về nội dung khởi kiện của anh Dũng: Quá trình giải quyết đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 2427/QĐ-UBND về việc giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xác minh làm rõ nội dung khiếu nại của bà Đỗ Thị D và ông Vũ Văn Dũng. Căn cứ Báo cáo số 47/BC-STNMT ngày 20/02/2019 của Sở Tài nguyên và môi trường về kết quả xác minh đơn của bà Đỗ Thị D và ông Vũ Văn Dũng, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 631/UBND-TNMT ngày 28/02/2019 về việc trả lời đơn của bà Đỗ Thị D là đúng quy định. Chủ tịch UBND tỉnh Z không đồng ý với việc khởi kiện của anh Đặng Trần H về yêu cầu hủy Văn bản số 631/UBND-TNMT ngày 28/02/2019.

** Đại diện UBND phường X trình bày:*

Năm 1989 bà Đỗ Thị D mua nhà thanh lý tập thể của Xí nghiệp gạch Y (nay là Công ty cổ phần Y) với diện tích nhà là 10,5m². Toàn bộ hồ sơ của Công ty cổ phần Y bàn giao không có tên của anh Đặng Trần H. Theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 2014 thể hiện anh Đặng Trần H quản lý sử dụng thửa số 78, tờ bản đồ số 114, diện tích 244,8m². Năm 2015 anh H có đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ nhưng Hội đồng đăng ý đất đai phường X đã xét duyệt thửa đất này không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ do không phù hợp quy hoạch và phần diện tích này có nguồn gốc là lấn chiếm đất ao do UBND phường quản lý, thời điểm lấn chiếm sau ngày 01/7/2004.

** Đại diện Công ty cổ phần Y trình bày:*

Năm 1989, Công ty bán thanh lý phần nhà và bếp này cho cá công nhân của Công ty để công nhân tự sửa chữa làm nhà ở. Sau khi được thanh lý các hộ dân đã xây dựng lại nhà ở trên cả phần nhà ở, bếp cũ và cả sân; một số hộ còn coi nói thêm cả phần ao, đất của địa phương để làm nhà ở. Năm 2007 Công ty có văn bản đề nghị được giao trả lại khu đất đã xây dựng cho công nhân sử dụng sang phường X quản lý và được UBND tỉnh đồng ý. Cùng năm 2007 Công ty đã lập hồ sơ quy hoạch chi tiết khu dân cư tại khu vực này. Đối với hộ bà Đỗ Thị D (mẹ anh H): Công ty bán thanh lý cho hộ bà D diện tích nhà là 10,5m²; theo bản đồ địa chính khu đất xin chuyển mục đích sử dụng đất của Công ty năm 2007 thì

phần đất bán thanh lý cho hộ bà D là thửa số 116, diện tích 124,8m². Việc đo đạc này theo hiện trạng thực tế sử dụng các gia đình sử dụng. Đối với Thửa số 117, diện tích 102,6m² (là phần đất hiện nay anh H sử dụng) không nằm trong ranh giới đất của Công ty; phần đất này trước đó đều là ao thuộc quản lý của phường X. Việc gia đình anh H (con bà D) sử dụng thửa đất này là do lấn chiếm tự tiện lấp lên chứ phần đất này không thuộc ranh giới của Công ty. Nay anh Đặng Trần H khởi kiện yêu cầu lập phương án bồi thường khi thu hồi đất thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2019/HC-ST ngày 21/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Z, quyết định:

Căn cứ vào Điều 32; khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 165; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính

Căn cứ Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện hủy Văn bản số: 631/UBND-TNMT ngày 28/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Z “Về việc trả lời đơn của bà Đỗ Thị D khu phố Đ, phường X, thị xã Y”.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Trần H gồm:

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y “Về việc thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220kv HĐ - Z 2”.

- Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y “Về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220KV HĐ - Z 2 (đợt 2)” đối với anh Đặng Trần H.

- Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Y “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị D và ông Vũ Văn Dũng (lần đầu)” đối với phần liên quan đến anh Đặng Trần H (Đỗ Thị D).

- Bác yêu cầu buộc UBND thị xã Y pH lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 14,6 m² đất bị thu hồi của gia đình anh H theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 02/12/2019, bà Đỗ Thị D là người đại diện theo ủy quyền của anh Đặng Trần H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y “Về việc thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220kv HĐ - Z 2”; hủy một phần Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y “Về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220KV HĐ - Z 2 (đợt 2)” đối với anh Đặng Trần H; hủy một phần Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Y “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị D và ông Vũ Văn Dũng (lần đầu)” đối với phần liên quan đến anh Đặng Trần H (Đỗ Thị D). Buộc UBND thị xã Y phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 14,6 m² đất bị thu hồi của gia đình anh theo quy định của pháp luật.

Luật sư Vũ Quang D người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện sau khi phân tích nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm (viết tắt HĐXX) hủy bản án sơ thẩm hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và của các đương sự tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Chủ tịch UBND tỉnh Z, ông Đàm Đình Đ- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Z, ông Nguyễn Thế T đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thị xã Y và UBND thị xã Y, bà Cao Thị Hồng L đại diện hợp pháp của UBND phường X, ông Trần Xuân H đại diện hợp pháp của công ty Vigacera đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa bà Đỗ Thị D, luật sư bảo vệ quyền lợi ích người khởi kiện đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX tiến hành giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 12/3/2019, anh H có đơn khởi kiện đối với Quyết định thu hồi đất số 01/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ số 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y; Quyết định giải quyết khiếu nại số 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của

Chủ tịch UBND thị xã Y; Văn bản số: 631/UBND-TNMT ngày 28/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Z và yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định. Như vậy, quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án này là “Yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại”. Tòa án nhân dân tỉnh Z thụ lý giải quyết vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền, đúng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 30, 32, 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Xét đơn kháng cáo của anh Đặng Trần H, HĐXX thấy:

[3.1] Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y “Về việc thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220kv HĐ - Z 2” và Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y “Về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220KV HĐ - Z 2 (đợt 2)” đối với anh Đặng Trần H:

** Về hình thức và thẩm quyền ban hành:* Quyết định số 01/QĐ-UBND và Quyết định số 11/QĐ-UBND của UBND thị xã Y được ban hành theo quy định đúng thẩm quyền, hình thức văn bản theo quy định khoản 2 Điều 66 Luật đất đai và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

** Về trình tự thủ tục ban hành:*

UBND thị xã Y ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

** Xét yêu cầu lập phương án bồi thường hỗ trợ của anh Đặng Trần H:*

Quyết định số 01/QĐ-UBND và Quyết định số 11/QĐ-UBND của UBND thị xã Y, hộ anh Đặng Trần H bị thu hồi 14,6m² đất ở tại khu phố Đ, phường X, thị xã Y không đủ điều kiện bồi thường hỗ trợ về đất và được bồi thường hỗ trợ 1.380.000đ tài sản trên đất. Người khởi kiện không thắc mắc về diện tích đất thu hồi và không thắc mắc tiền bồi thường hỗ trợ tài sản trên đất.

Xem xét nguồn gốc đất của anh Đặng Trần H thì thấy: Năm 1989, bà Đỗ Thị D là mẹ anh H mua thanh lý nhà tập thể của Xí nghiệp Gạch Y (nay là Công ty cổ phần Y), quá trình sử dụng đất bà D mượn đất của xí nghiệp gạch để sử dụng. Thửa đất của anh H là được bà D cho để sử dụng, nay gia đình đều xác định đất thuộc quyền sử dụng của anh H. Năm 2007 Công ty Viglacera có văn bản đề nghị được giao trả lại khu đất đã xây dựng cho công nhân sử dụng sang phường X quản lý và được UBND tỉnh đồng ý. Cùng năm 2007 Công ty đã lập hồ sơ quy hoạch chi tiết khu dân cư tại khu vực này. Theo bản đồ địa chính khu đất xin chuyển mục đích sử dụng đất của Công ty năm 2007 thì phần đất bán thanh lý cho hộ bà D là thửa số 116, diện tích 124,8m²; đối với thửa số 117, diện

tích 102,6m² (là phần đất hiện nay anh H sử dụng) không nằm trong ranh giới đất của Công ty; phần đất này trước đó đều là ao thuộc quản lý của phường X.

Theo bản đồ quy hoạch được Sở xây dựng tỉnh Z phê duyệt tại Văn bản số 260/SXD - QLN ngày 14/11/2008 sau khi Công ty Viglacera đề nghị được giao trả lại khu đất đã xây dựng cho công nhân sử dụng sang phường X quản lý và được UBND tỉnh chấp thuận thì hộ bà Đỗ Thị D chỉ có một thửa đất số 109, diện tích 124,2 m²; ngoài ra không còn thửa đất nào khác.

Tại Bản đồ địa chính năm 2014 thể hiện anh H sử dụng thửa đất số 78, tờ bản đồ 114, diện tích 244,8m² (chính là thửa đất số 117). Năm 2015 anh H có đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ nhưng Hội đồng đăng ý đất đai phường X đã xét duyệt thửa đất này không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ do không phù hợp quy hoạch và phần diện tích này có nguồn gốc là lấn chiếm đất ao do UBND phường quản lý, thời điểm lấn chiếm sau ngày 01/7/2004.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công ty Viglacera cũng đã xác định việc gia đình anh H (con bà D) sử dụng thửa đất này là do lấn chiếm tự tân lập lên chứ phần đất này không thuộc ranh giới của Công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà D đại diện cho anh H cho rằng, diện tích đất 14,6m² nằm trong diện tích 244,8 m² của anh Đặng Trần H khai hoang, thực hiện kê khai năm 2013, không nằm trong diện tích nhà đất mà công ty Viglacera phân cho bà. Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh H lại cho rằng, 14,6m² đất nêu trên nằm trong diện tích nhà đất mà công ty Viglacera phân cho bà. HĐXX thấy, lời khai của bà D phù hợp với quan điểm của người bị kiện và phù hợp với hồ sơ vụ án. Quá trình giải quyết người khởi kiện chỉ cung cấp hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ, chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận, ngoài ra không cung cấp tài liệu nào khác.

HĐXX thấy rằng, thửa đất của anh Đặng Trần H mặc dù có nguồn gốc là mua thanh lý nhà từ năm 1989 của Công ty Viglacera và được bà D tặng cho nhưng thửa đất này không nằm trong ranh giới đất của Công ty Viglacera được phê duyệt và không được phê duyệt quy hoạch theo Văn bản số 260 của Sở xây dựng tỉnh Z. Thực tế gia đình bà D đã được công nhận sử dụng hợp pháp đối với thửa số 116, diện tích 124,8m² nằm trong ranh giới đất của Công ty Viglacera. Việc gia đình anh H sử dụng thửa đất này là do lấn chiếm đất ao do UBND phường quản lý. Việc sử dụng thửa đất này của anh H không phù hợp quy hoạch và đã được xét duyệt không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Trường hợp nếu có phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở thì theo quy định của Luật đất đai thì khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ thì anh H phải thực hiện nghĩa vụ tài chính nộp tiền sử dụng đất theo quy định.

Do vậy, việc UBND thị xã Y thu hồi của anh H diện tích đất 14,6m² nằm trong một phần thửa đất lấn chiếm của anh H để thực hiện dự án đường dây 500/200kv HĐ - Z 2 và không lập phương án bồi thường hỗ trợ đối với diện tích đất 14,6m² này là đúng pháp luật quy định pháp luật. Các kiến nghị của anh Đặng Trần H đã được UBND thị xã Y trả lời đúng quy định tại Công văn số

16/CV-TNMT và Văn bản số 130/UBND-NC. Yêu cầu hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 23/01/2018, hủy một phần Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y và yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 14,6 m² đất bị thu hồi của anh H là không có cơ sở.

Đối với các chi phí bồi thường, hỗ trợ về tài sản trên đất do người khởi kiện không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3.2] Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Y “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị D và ông Vũ Văn Dũng (lần đầu)” đối với phần liên quan đến anh Đặng Trần H (Đỗ Thị D):

* Về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành: Bà Đỗ Thị D (mẹ anh H) có đơn khiếu nại đối với Văn bản số 130/UBND-NC ngày 24/4/2018 của UBND thị xã Y về việc trả lời đơn của một số công dân khu phố Đ, phường X. Trong quá trình giải quyết vụ án bà D đã xuất trình cho Tòa án giấy ủy quyền của anh H ngày 08/5/2018 để giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc thu hồi đất. Ngày 01/6/2018, Chủ tịch UBND thị xã Y ban hành Quyết định số 438/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 15/11/2018, Đoàn xác minh đã có Báo cáo số 58/BC-ĐXM về việc báo cáo kết quả xác minh khiếu nại.

Chủ tịch UBND thị xã Y ban hành Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị D và ông Vũ Văn Dũng (lần đầu)” là đúng trình tự thủ tục cũng như thẩm quyền và hình thức theo quy định tại Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Tuy nhiên, về thời hạn ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là chưa đúng quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại.

* Về nội dung Quyết định:

Như đã nhận định ở trên, việc UBND thị xã Y thu hồi của anh H diện tích đất 14,6m² để thực hiện dự án đường dây 500/200kv HĐ-Z 2 và không lập phương án bồi thường hỗ trợ đối với diện tích đất 14,6m² này là đúng pháp luật quy định pháp luật. Các kiến nghị của anh Đặng Trần H đã được UBND thị xã Y trả lời đúng quy định tại Công văn số 16/CV-TNMT và Văn bản số 130/UBND-NC. Đoàn xác minh cũng đã tiến hành làm việc, xác minh đúng nguồn gốc thửa đất của anh Đặng Trần H tại các cơ quan, tổ chức có liên quan và xác định không đủ điều kiện bồi thường khi thu hồi đất.

Do vậy, Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị D và ông Vũ Văn Dũng (lần đầu)” không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Đỗ Thị D (người đại diện theo ủy quyền của anh Đặng Trần H) là đúng quy định pháp luật.

[4] Từ những nhận định nêu trên, HĐXX thấy rằng Quyết định thu hồi đất số 01/QĐ-UBND ngày 23/01/2018; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ số: 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Y được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục cũng như nội

dung. Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Trần H có cơ sở.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện hủy Văn bản số: 631/UBND-TNMT ngày 28/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Z “Về việc trả lời đơn của bà Đỗ Thị D khu phố Đ, phường X, thị xã Y” phía người khởi kiện đã có đơn rút yêu cầu này. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Văn bản số: 631/UBND-TNMT ngày 28/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Z của anh Đặng Trần H là đúng. Sau khi xét xử sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đối với nội dung này nên HĐXX không xem xét.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà D đại diện cho anh Đặng Trần H cũng không cung cấp thêm chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, cần chấp nhận quan điểm của người bị kiện và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát bác đơn kháng cáo của anh Đặng Trần H.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D cho rằng, việc thu hồi đất, bồi thường cho các hộ dân không thống nhất, có sự khác nhau, người được bồi thường, người không được bồi thường. Về vấn đề này người khởi kiện có quyền làm đơn đến cơ quan chức năng giải quyết theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của anh Đặng Trần H không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của anh Đặng Trần H và giữ nguyên phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2019/HC-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Z đối với nội dung bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Trần H gồm:

+ Bác yêu cầu hủy Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y “Về việc thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220kv HĐ - Z 2”.

- Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y “Về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220KV HĐ - Z 2 (đợt 2)” đối với anh Đặng Trần H.

+ Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Y “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị D và ông Vũ Văn Dũng (lần đầu)” đối với phần liên quan đến anh Đặng Trần H (Đỗ Thị D).

+ Bác yêu cầu buộc UBND thị xã Y phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 14,6 m² đất bị thu hồi của gia đình anh Hải theo quy định của pháp luật.

[2] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của anh Đặng Trần H không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 nghìn đồng, được đối trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004598 ngày 13/12/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Z.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Z;
- VKSND tỉnh Z;
- Cục THADS tỉnh Z;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng

Lê Thị Thúy Bình

Nguyễn Văn Cường

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng

Lê Thị Thúy Bình

Nguyễn Văn Cường